

Bản án số: 190/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Ông Trương Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Phong L, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Ấp 3, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Lê Phong L tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 1997. Đến năm 2006 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/8/2006. Bà và ông L sống chung hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Nguyễn Thị B trình bày: là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông L thường xuyên rượu chè, ghen tuông vô cớ, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh

phúc. Bà B và ông L đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Lê Phong L.

Về con chung: Quá trình chung sống có con chung là cháu Lê Khánh L (giới tính: nam) sinh ngày 05/4/1999, hiện cháu Khánh L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B xác định có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành phiên họp, phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn cũng như bị đơn không thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về ly hôn”. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn Lê Phong L vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Phong L theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Phong L kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà không còn tình cảm vợ chồng đối với ông L và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa bà Bích và ông L thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được là do bất đồng quan điểm sống nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà B và ông L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà B, cho B và ông L được ly hôn.

Về con chung: Con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

Về tài sản chung: Bà B xác định có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Lê Phong L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Phong L.

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B xác định có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị B xác định không có nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Bích đã nộp theo biên lai thu số 0001836 ngày 15/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/8/2020). Riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Vĩnh Thuận Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng